



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 32/2025

(05/08/2025 – 11/08/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua thị trường có phần khởi sắc hơn khi chỉ số BDI tích lũy thêm 117 điểm (↑6,1%) lên 2.038 điểm. Do đó nhìn chung cước tàu các phân khúc hầu hết tăng như sau: Capesize tăng 311 điểm (↑10,3%) lên 3.317 điểm, riêng Panamax giảm nhẹ 11 điểm (↓0,67%) không đáng kể xuống còn 1.614 điểm, Supramax tăng 46 điểm lên 1.325 điểm. Handysize vẫn duy trì xu hướng tăng nhẹ ổn định, tích lũy thêm 9 điểm (↑1,3%) lên 685 điểm. Hoạt động mua bán tàu tuần qua khá sôi động và tập trung chủ yếu ở hai phân khúc Panamax và Supramax – giá thị trường của hai dòng tàu này cũng đang có xu hướng tăng. Trước tiên là phân khúc Panamax, chủ tàu Hy Lạp chốt tàu **Gorgo** (76.498 dwt, đóng 2005 Nhật, vừa qua đã 5/2025) với giá khoảng 9,2 triệu đô la Mỹ. Chỉ mới vài tuần trước, tàu chị em **Gorgoypikoos** (76.498 dwt, đóng 2005 Nhật, vừa qua đã 5/2025) cũng được chủ tàu trên chốt cho người Mua Trung Quốc với giá khoảng 9 triệu đô la Mỹ. Sang phân khúc Supramax, tàu **Alora** (58.723 dwt, đóng 2012 Nhật, DD 02/2026, SS 2/2028) vừa ghi nhận bán thành công với giá trên 16 triệu đô la Mỹ, dự kiến giao tàu tháng 10. Được biết trước đây chủ tàu yêu cầu mức 15,5 triệu đô la Mỹ. Một tàu Supramax khác là **CLM Pearl** (858.092 dwt, đóng xưởng Tsuneishi đặt tại Cebu, Philippines, DD 01/2028, SS 02/2030) với giá khoảng 14,5 triệu đô la Mỹ. Đây là trường hợp hiếm hoi có giá mềm nhất trong thời điểm hiện nay vì các tàu tương tự đóng Nhật đang được chủ tàu nhắm mức trên 15 triệu đô la Mỹ. Tàu nhỏ hơn **Ocean Prince** (52.475 dwt, đóng 2002 Nhật, DD/SS 03/2027) được chủ tàu Hong Kong chốt với giá khoảng 7,85 triệu đô la Mỹ. Giá tàu này sẽ là mốc tham chiếu mới cho dòng Supramax 52k dwt giá trong thời gian tới.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) khá ổn định, chỉ giảm nhẹ 2 điểm (↓0,3%) còn 656 điểm, chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tăng 34 điểm (↑3,4%) lên 1.013 điểm. Tổng quan cước thuê tàu chở dầu thô và tàu chở dầu thành phẩm/hóa chất tuần qua nhìn chung được hỗ trợ bởi lượng tàu ít và nhu cầu nhiều. Ngược lại đối với hoạt động mua bán, thị trường dần trở nên thận trọng hơn do giá tàu không hạ như kỳ vọng. Sau khi chốt tàu **Seaways Titan** (49.999 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 12/2026, SS 11/2028) tuần trước với giá khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ, chủ tàu International Seaways tiếp tục bán tàu chị em **Seaways Mia** (49.999 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 12/2026, SS 12/2028) cho người Mua Ấn Độ với giá tương tự. Ngoài ra, có tin Người mua Indonesia chốt tàu MR trẻ hơn là **Nave Equinox** (50.922 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, DD 04/2026, SS 12/2027) với giá khoảng 14 triệu đô la Mỹ - tàu có mức khá mềm trong thời điểm hiện nay.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Cape Aqua	2009	China	178,055	24.00	Undisclosed	DD 04/2027, SS 06/2029
KM Nagoya	2012	Japan	95,349	17.50	Undisclosed	DD/SS passed 07/2025, next DD 07/2028, SS 08/2030
Magic Thunder	2011	Japan	83,375	14.60	Japanese	Incl 5 years BB, DD/SS 01/2026
Star Danai	2006	Japan	82,574	11.40	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS passed 01/2025, next DD 01/2028, SS 01/2030
Star Georgia	2006	Japan	82,295	Undisclosed	Indian	Old sale, scrubber fitted, DD 04/2028, SS 01/2030
Shandong Fu Hui	2017	China	81,782	Undisclosed	Turkish	Auction sale in China, DD due 09/2025, SS 10/2027
Aquavita Trader	2016	China	81,112	22.50	Undisclosed	DD/SS due 02/2026
Gorgo	2005	Japan	76,498	9.20	Chinese	DD/SS passed 5/2025, next DD 05/2028, SS 05/2030
Ivestos 4	2006	China	74,444	Undisclosed	Undisclosed	Old sale, DD due 08/2025, SS 03/2027
Alora	2012	Japan	58,723	16.10	Undisclosed	TC attached at US\$10k pd, DD 02/2026, SS 2/2028
CLM Pearl	2010	Tsuneishi Cebu, Philippines	58,092	14.50	Undisclosed	DD 01/2028, SS 02/2030
Cobra	2010	Japan	55,474	Undisclosed	Undisclosed	DD 05/2028, SS 01/2030
Cheval Blanc	2009	China	56,732	10.50	Undisclosed	M/E MAN-B&W (made in Korea), DD 07/2027, SS 09/2029
Ocean Prince	2002	Japan	52,475	7.85	Undisclosed	DD/SS 03/2027
Guo Yuan 7	1997	China	47,215	Undisclosed	Undisclosed	Auction sale in China
Rostrum Asia	2021	China	40,003	25.00	Undisclosed	Ice class 1C, DD/SS 12/2026
Lucky Trader	2011	Japan	25,028	11.60	Swiss	Old sale, GC, OHBS, CR 3X30T, DD/SS 01/2026
TANKERS						
Hong Kong Spirit	2013	China	318,473	63.00	Teekay	Scrubber fitted, DD 09/2027, SS 06/2028
Halcyon	2020	Korea	299,942	119.00	International Seaways	Scrubber fitted, DD/SS due 11/2025

Nave Equinox	2007	Korea	50,922	14.00	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated ice class 1A, DD 04/2026, SS 12/2027
Seaways Mia	2008	Korea	49,999	16.50	Indian, Seven Islands	Old sale, chemical IMO III, epoxy coated, DD 12/2026, SS 12/2028
CONTAINERS						
Bach	2009	China	42,034	26.00	Undisclosed	Incl TC to ONE at US\$22k pd, 3534 teu, gearless, ice class II, DD 10/2027, SS 09/2029
OTHERS						
LNG River Orashi	2004	Korea	83,068	20.00	Chinese	LNG 145914 cbm, DD 11/2027, SS 11/2029

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		07/2025	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	76.00	0%	0%	1%	-1%	60.75
180k dwt	5 tuổi	63.00	-2%	-2%	0%	-2%	44.75
170k dwt	10 tuổi	45.00	1%	3%	8%	4%	31.50
150k dwt	15 tuổi	26.00	-2%	-9%	0%	-9%	20.00
PANAMAX							
82k dwt	Resale	38.00	3%	1%	-3%	-9%	36.75
82k dwt	5 tuổi	30.50	5%	-2%	-6%	-16%	30.25
76k dwt	10 tuổi	23.50	6%	0%	2%	-14%	21.25
74k dwt	15 tuổi	15.00	10%	3%	12%	-13%	14.00
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	38.00	0%	0%	-1%	-8%	34.75
58k dwt	5 tuổi	30.50	2%	0%	-3%	-15%	26.00
56k dwt	10 tuổi	22.50	0%	-4%	-2%	-20%	19.00
52k dwt	15 tuổi	14.50	7%	2%	5%	-6%	13.00
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	32.50	2%	0%	-1%	-4%	29.00
37k dwt	5 tuổi	25.50	4%	4%	4%	-5%	22.75
32k dwt	10 tuổi	19.00	8%	11%	17%	0%	15.25
28k dwt	15 tuổi	11.80	2%	0%	9%	-8%	9.75

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		07/2025	1M	3M	6M	12M	
VLCC							
310k dwt	Resale	147.00	0%	2%	-1%	2%	114.25
310k dwt	5 tuổi	117.00	0%	4%	3%	2%	87.00
250k dwt	10 tuổi	87.00	0%	5%	2%	3%	62.25
250k dwt	15 tuổi	58.00	0%	9%	7%	1%	44.25
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	93.00	-1%	-1%	-3%	-6%	78.75
150k dwt	5 tuổi	76.00	-1%	-1%	0%	-8%	61.00
150k dwt	10 tuổi	61.00	-2%	-2%	5%	-10%	45.50
150k dwt	15 tuổi	40.00	-2%	-2%	-2%	-15%	29.50
AFRMAX							
110k dwt	Resale	75.00	0%	0%	-5%	-12%	65.50
110k dwt	5 tuổi	62.50	0%	0%	-2%	-13%	51.50
105k dwt	10 tuổi	50.00	0%	0%	-3%	-16%	38.25
105k dwt	15 tuổi	34.00	0%	0%	-3%	-17%	25.25
MR							
52k dwt	Resale	52.00	4%	4%	2%	-5%	44.75
52k dwt	5 tuổi	42.00	5%	2%	2%	-11%	35.50
45k dwt	10 tuổi	32.00	7%	3%	3%	-17%	25.75
45k dwt	15 tuổi	18.50	0%	-12%	-14%	-34%	17.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG (bunkering vessel)	20,000 cbm	-	1+1	Dalian Shipbuilding Offshore	China Bunker	Q4 2027	
Tanker	319,000 dwt	110.00	2	Jiangsu New Hantong	Trafigura	-	Price per unit
Tanker	320,000 dwt	-	1	Hanwha Ocean Korea	CCoinarlova Maritime	Q4 2027	

Tanker	320,000 dwt	128.50	1	-	Greek	-	
Bulker	210,000 dwt	74.50	2	Jiangsu New Hantong	Kmarin Korea	2028	Price per unit, against employment to Vale
Bulker	45,000 dwt	-	4+2	Wuhu	Polish Steamship	2028	
Container	5,100 teu	-	2	CSSC Huangpu Wenchong	Elbdeich Reederei	Early 2027	
Container	2,700 teu	38.50	4	Huanghai Shipbuilding	SITC	End 2027 Mid 2028	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/ 2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	-4.67%	-4.67%	-6.54%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	0.00%	1.37%	0.00%	-1.33%
Supramax (61.000 dwt)	34.0	0.00%	0.00%	-1.45%	-1.45%
Handysize (37.000 dwt)	30.0	0.00%	0.00%	-1.64%	-1.64%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/ 2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.79%	-1.92%	-2.66%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	-0.58%	0.58%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	-3.27%	-1.99%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	-4.59%	-2.80%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

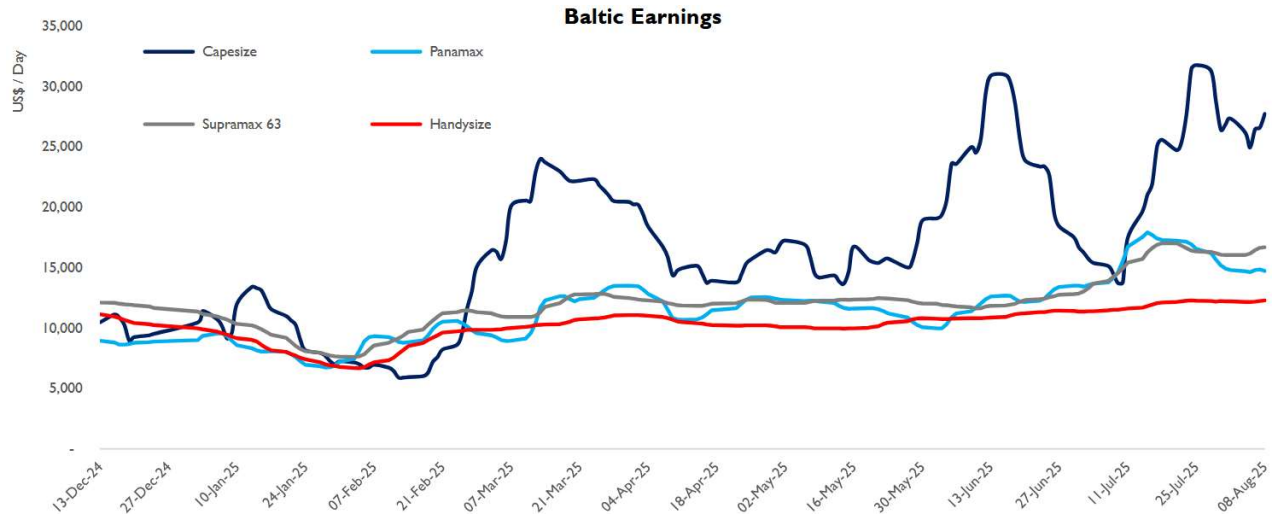
Cước trung bình phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 16.691 đô la Mỹ, tăng 656 đô la Mỹ so với mức 16.035 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường tiếp tục đà tăng trưởng tích cực trong tuần này, dẫn đầu bởi nhu cầu mạnh mẽ ở Vịnh Châu Mỹ, ví dụ như tàu **Red Sakura** (60.245 dwt, đóng 2017) được chốt chuyển front haul từ SWP với giá khoảng 27.750 đô la Mỹ. Lưu vực Đại Tây Dương chứng kiến cước phí tăng trên các tuyến xuyên Đại Tây Dương do thị trường Panamax tăng mạnh, từ đó giúp củng cố mức phí thuê cao hơn cho các tàu Ultramax. Châu Á cho thấy khả năng phục hồi, đặc biệt là ở các tuyến phía Bắc, trong khi Ấn Độ Dương vẫn ổn định nhờ hoạt động từ Nam Phi. Tóm lại, mặc dù có sự chậm lại vào mùa hè, tâm lý thị trường vẫn lạc quan ở các khu vực chính. Mặc dù có ít dấu hiệu cho thấy một sự thay đổi tăng mạnh trong ngắn hạn, sự tự tin của thị trường đang dần được cải thiện. Hơn nữa, thị trường thuê tàu định hạn, đặc biệt là ở Đại Tây Dương, vẫn hoạt động sôi nổi trong tuần qua, với một số yêu cầu thuê tàu mới và một vài giao dịch được báo cáo, bao gồm tàu **Aikaterini** (63.512 dwt, đóng 2014) được thuê định hạn khoảng 5-7 tháng, giao tàu ở Paranagua (23-26/8) và trả tàu ở nơi bất kỳ với giá khoảng 19.000 đô la Mỹ.

Cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 12.294 đô la M, tăng 93 đô la Mỹ so với mức 12.201 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường có một tuần thành công nữa, khi các chủ tàu có thể đạt được mức giá hấp dẫn ở một số khu vực. Tại Continent và Địa Trung Hải, một vài yêu cầu và hợp đồng thuê tàu mới đã xuất hiện, với mức giá tốt hơn so với giao dịch cuối cùng. Kết quả là các chủ tàu giữ vững vị thế, không vội vàng ký hợp đồng. Có tin đồn một tàu Handysize lớn được chốt với giá khoảng 14.500 đô la Mỹ cho chuyến chở hàng rời từ Baltic đến Nigeria. Tình hình ở Nam Đại Tây Dương vẫn yên ắng, với ít chi tiết được tiết lộ, trong khi Vịnh Châu Mỹ tăng tốc và mạnh mẽ hơn nhờ dòng hàng hóa ổn định. Tàu Turbo S (37.738 dwt, đóng 2023) được chốt đi từ Nola (13-16/8) cho một chuyến chở hàng rời, giao tại SWP và trả lại ở Thổ Nhĩ Kỳ với giá khoảng 18.000 đô la Mỹ. Hơn nữa, một tàu khoảng 34.000 dwt được chốt đi từ SW Pass (16-24/8) đến Bờ Tây Trung Mỹ với giá khoảng 15.750 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, các hợp đồng được báo cáo rất khan hiếm, nhưng tâm lý thị trường vẫn vững chắc, được hỗ trợ bởi nhu cầu cơ bản. Trong số ít giao dịch, một tàu khoảng 38.000 dwt được chốt đi từ Cigading đến Continent với giá 15.000 đô la Mỹ. Có tin một tàu đóng mới khoảng 40.000 dwt được chốt đi từ xưởng Trung Quốc đã với mức giá khoảng 15.400-15.600 đô la Mỹ cho một chuyến đi nhiều chặng, cho thấy các bên thuê tàu rất ưa chuộng các tàu hiện đại tiết kiệm nhiên liệu và sẵn sàng trả phí cao hơn cho chúng.

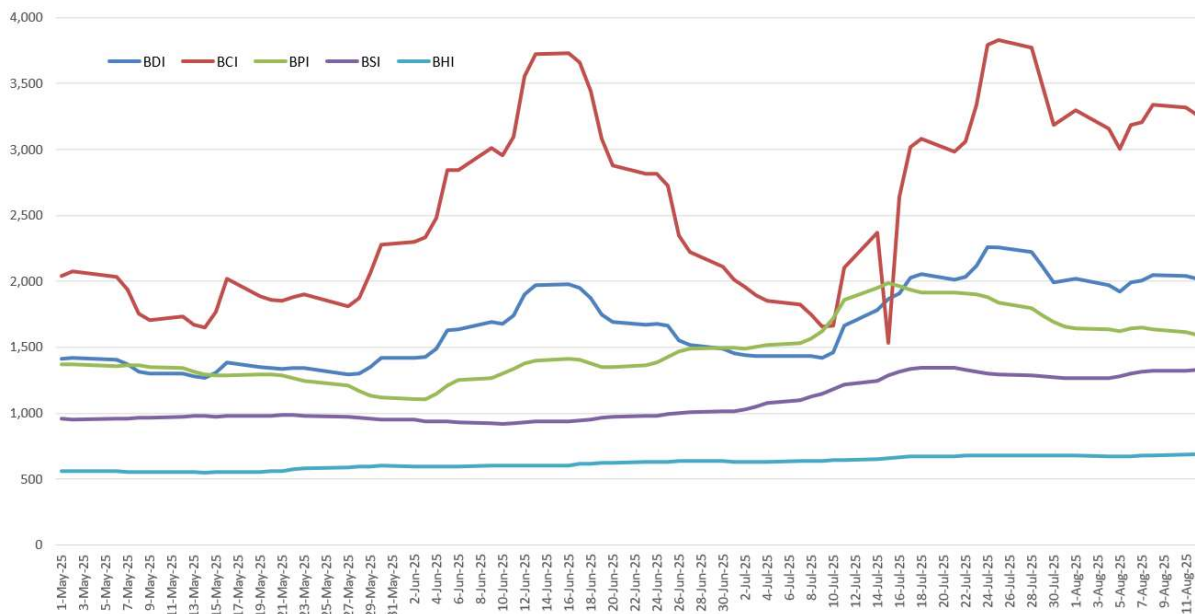
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 11/08/2025

	US\$/ngày	▲/▼
SUPRAMAX	14.657	▲ 656
HANDIES 38K	12.294	▲ 93

(so sánh với giá trị ngày 04/08/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 64,08 đô la Mỹ/thùng - tăng 0,19% so với phiên trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 66,63 đô la Mỹ/thùng - tăng 0,06%. Giá dầu thô nhích tăng nhẹ, trong bối cảnh thị trường kỳ vọng rằng cuộc gặp vào thứ Sáu tới giữa hai nhà lãnh đạo Nga và Mỹ sẽ đạt được một thỏa thuận dẫn đến nguồn cung dầu tăng. Bên cạnh đó, Na Uy đã bắt đầu lên kế hoạch cho

vòng cấp phép dầu khí thứ 26 tại các khu vực biên giới ít được khai thác, nhằm thúc đẩy hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên, nước này bày tỏ mong muốn trở thành nhà cung cấp dầu khí lâu dài cho châu Âu, trong khi thêm lục địa Na Uy sẽ tiếp tục tạo ra giá trị và việc làm cho đất nước. Theo báo cáo, quốc gia Guyana ở Nam Mỹ gần đây đã nổi lên như một quốc gia khai thác dầu mỏ được thế giới công nhận, điều này diễn ra nhờ chuỗi phát hiện dầu mỏ đẳng cấp thế giới của ExxonMobil ngoài khơi Guyana, bắt đầu với giếng khoan Liza-1 năm 2015, được khoan cách thủ đô Georgetown 118 dặm về phía đông bắc, tại Lô Stabroek rộng 6,6 triệu mẫu Anh

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC

Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông ghi nhận xu hướng sôi động trong tuần, với cước từ Trung Đông đi Trung Quốc đã cải thiện lên mức WS 56. Mặc dù đang trong giai đoạn cạnh tranh theo mùa vào tháng 8 vốn thường sẽ dư thừa tàu, tuần này thị trường lại ghi nhận số lượng tàu có phần hạn chế, điều này giúp cước có phần tích cực hơn. Bên cạnh đó, tại khu vực Đại Tây Dương, cước trên tuyến Tây Phi/Trung Quốc hiện chốt ở mức WS 56.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Trung Đông/ Trung Quốc	23.582	37.481	↑
USG/Trung Quốc	30.383	34.112	↑

Phân khúc tàu Suezmax

Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax tại khu vực Tây Phi kết thúc tuần với xu hướng sôi động, ghi nhận mức cước tăng khá cao. Theo đánh giá, tâm lý lạc quan này được thúc đẩy bởi sự thiếu hụt tàu có sẵn, do hoạt động hàng hóa dồi dào tại khu vực Biển Đen. Cước trên tuyến Nigeria/UKC hiện tăng cao, chốt ở mức WS 120 vào cuối tuần.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	33.209	57.250	↑
Guyana / UKC	30.399	54.506	↑

Phân khúc tàu Aframax

Trái lại, phân khúc Aframax tiếp tục ghi nhận tình trạng tương đối trì trệ trong mùa hè, với nhu cầu ở các khu vực chủ chốt như Trung Đông và Singapore chững lại, kéo theo lượng tàu dư thừa gia tăng. Tại Địa Trung Hải, mức cước cho tuyến Ceyhan/Lavera giảm nhẹ, hiện được ký kết ở mức WS 148

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	28.370	32.476	↑
Med / Med	37.148	37.316	↑
USG / Cont	43.827	35.983	↓
EC Mex / USG	44.259	38.859	↓

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

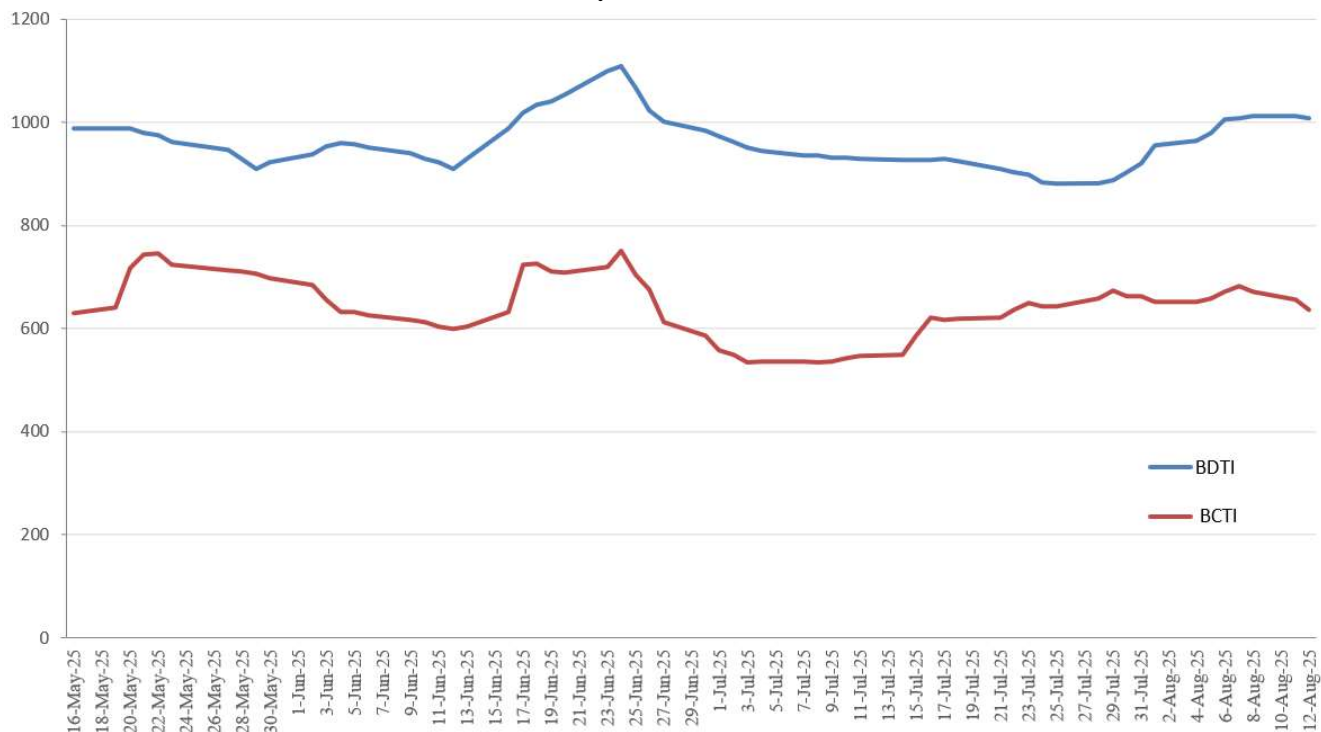
Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR trên tuyến Cont/USAC ghi nhận mức cước WS 105, với số lượng tàu sẵn có vô cùng hạn chế. Bên cạnh đó, các lô hàng mới trên tuyến UKC/Tây Phi làm cho tình hình khan hiếm tàu ngày càng kéo dài và giúp cho cước trên tuyến Cont/USAC tăng lên mức WS 120. Bên cạnh đó, cước trên tuyến Tây Phi hiện vẫn giữ ở mức chênh lệch WS +20. Tại khu vực Địa Trung Hải, nhìn chung thị trường khá trầm lắng, chỉ ghi nhận được hai chuyến hàng xuất hiện nhưng đa phần người thuê tàu dường như chờ sang tuần sau mới chốt. Hiện tại, chưa ghi nhận được mức cước ổn định, cần chờ thêm các giao dịch để xác định rõ xu hướng. Cuối tuần, ghi nhận các giao dịch ở mức WS 125 và 130. Theo báo cáo, thị trường Handysize tại UKC diễn biến ổn định, với cước trên tuyến ARA/UK-Cont ở mức WS 150. Tuy nhiên, do phân khúc MR vào đầu tuần có xu hướng giảm, kéo theo cước trên tuyến này xuống mức WS 145. Mặc dù vậy, khi số lượng tàu khan hiếm hơn trong tuần, cước đã phục hồi và chốt ở mức WS 152,5. Thị trường tại khu vực Địa Trung Hải ghi nhận sự biến động không ổn định, số lượng tàu trong khu vực vẫn ổn định nhưng cũng chỉ có một vài chuyến x-Med được giao dịch ở mức WS 175. Kế hoạch các lô hàng vào tuần sau không nhiều, dự kiến sẽ xuất hiện thêm trong khoảng ngày 13 – 16. Nhìn chung, tâm lý thị trường đang yếu đi do thiếu hoạt động vào cuối tuần, nhưng vẫn có khả năng ổn định trở lại vào đầu tuần tới.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Theo ghi nhận, cước cho tuyến Al Jubail/Ulsan hiện đã giảm 1 đô la Mỹ/tấn trong tuần này, báo cáo dựa trên các giao dịch đã ký kết gần đây. Bên cạnh đó, cước cho tuyến Rotterdam/Houston cũng đã giảm 0,5 đô la Mỹ/tấn trong tuần, nguyên nhân do số lượng các lô hàng vẫn khá ít, trong khi danh sách tàu dư thừa vẫn cao cho tháng 8. Tuy nhiên, thị trường CPP tại khu vực phía Tây đang sôi động hơn đã giúp cước có phần ổn định. Qua đó, cước cho tuyến Ex – Houston vẫn giữ nguyên trong tuần này, mặc dù vậy tâm lý thị trường đã được cải thiện nhẹ trong thời điểm vốn phải yên ắng trong năm. Các lô hàng ghép đã bắt đầu được ký kết, trong khi đó lượng hàng hóa đang thỏa thuận đi Địa Trung Hải, WCI, Nam Mỹ tăng mạnh. Ngoài ra, tình trạng trì hoãn do bảo trì các nhà máy ở Trung Đông vẫn tiếp diễn, nên dự kiến trong ngắn hạn thị trường Ex-USG sẽ không có biến động lớn. Theo báo cáo, cước cho tuyến Singapore/Rotterdam cho các lô hàng 1.000 tấn đã tăng 5 đô la Mỹ/tấn trong tuần, nhờ nhu cầu từ Cont tăng cao. Thị trường dầu đậu nành trên các tuyến đi từ Nam Mỹ hiện đã giảm 1 đô la Mỹ/tấn trong tuần do nhu cầu giảm và số lượng tàu có sẵn tăng lên. Tuy nhiên, với việc thị trường CPP tại khu vực phía Tây tăng trở lại trong những ngày gần đây, xu hướng trầm lắng này có thể sẽ đảo chiều trong thời gian tới.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 32/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 31/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	47,000	45,000	44,500	47,500	45,500	45,000
SUEZMAX	32,000	32,500	31,000	32,500	31,500	31,000
AFRAMAX	31,000	29,000	28,500	30,000	29,500	28,500
LR-2	31,000	29,000	29,000	30,000	29,000	29,000
LR-1	24,500	22,500	22,500	24,500	23,000	22,500
MR	19,500	19,000	18,500	19,500	18,500	18,500
HANDY	17,500	16,500	16,000	17,500	16,500	16,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời	Tàu dầu	Tàu container
		US\$ ▼/▲	US\$ ▼/▲	US\$ ▼/▲
1	Pakistan	425	445	455
2	Bangladesh	405	425	435
3	India	415	435	445
4	Turkey	250	260	270

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ ĐỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 32/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	DWT	Comments
Otaria	Tanker	2000	16,885	India	-	105,856	
Boceanica	Tanker	2004	14,210	Turkey	-	71,864	
Leonid	Tanker	2000	13,606	Bangladesh	420.00	74,999	
Bow Fagus	Tanker	1995	11,043	India	930.00	37,374	Incl abt 2,300 tons stainless steel
Aewo	Tanker	1998	5,245	India	-	16,466	
Wond	Tanker	1985	2,229	Bangladesh	390.00	6,750	
Dalian	Bulker	2002	21,413	Bangladesh	-	176,347	
Great Royal	Bulker	1994	6,580	Bangladesh	390.00	42,174	
Best 8	Bulker	1995	2,530	Pakistan	338.00	8,961	
Sister 12	Bulker	1991	2,225	Pakistan	388.00	7,050	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*